

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu số 01:
Mua thuốc Generic bổ sung tại Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa năm 2023**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Dược số 34/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược;

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch Đầu tư về quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Danh mục thuốc đấu thầu, Danh mục thuốc đấu thầu tập trung, Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BYT ngày 28/03/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp;

Theo đề nghị của Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa tại Tờ trình số 197/TTr-BVPS ngày 22/03/2023; kèm theo Báo cáo thẩm định số 37/BCTĐ-TTĐKHLCNT ngày 21/03/2023 của Tổ thẩm định, Sở Y tế về việc thẩm định gói thầu số 01: Mua thuốc Generic bổ sung tại Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa năm 2023 và hồ sơ liên quan.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu số 01: Mua thuốc Generic bổ sung tại Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa năm 2023.

1. Tên gói thầu: Gói thầu số 01 mua thuốc Generic bổ sung tại Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa năm 2023.

2. Chủ đầu tư: Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa.

3. Phân chia gói thầu: Gói thầu số 01 gồm có 14 phần (mặt hàng) (tại Phụ lục chi tiết kèm theo). Thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 15/2019/TT-BYT ngày 11/07/2019 về việc quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập và Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ Y tế.

4. Giá gói thầu: **1.293.952.600 đồng** (Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm chín mươi ba triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn, sáu trăm đồng chẵn).

Giá gói thầu là tổng giá trị của các mặt hàng trong gói thầu.

Giá các mặt hàng thuốc trúng thầu đã bao gồm: thuế VAT, chi phí vận chuyển tới kho của Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa.

5. Nguồn vốn: Nguồn quỹ Bảo hiểm y tế, nguồn thu viện phí và các nguồn kinh phí hợp pháp khác của Bệnh viện.

6. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh (qua mạng), xét theo từng phần của gói thầu.

7. Phương thức đấu thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

8. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý I năm 2023.

9. Thời gian thực hiện hợp đồng: không quá 12 tháng, kể từ khi hợp đồng có hiệu lực.

10. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

11. Tổ chuyên gia xét thầu, tổ thẩm định HSYC và KQLCNT: giao cho chủ đầu tư tự quyết định theo quy định của Luật Đấu thầu và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 2. Chủ đầu tư (Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác đối với danh mục, dự toán, kết quả thẩm định và trình tự, thủ tục tổ chức thực hiện Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu nêu trên theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật; báo cáo kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Y tế, Tài chính; Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh, Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VT, VX_{sln}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đầu Thanh Tùng

PHỤ LỤC
Gói thầu số 2: Mua thuốc Generic bổ sung tại Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa năm 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Mã thuốc	STT TT 20/2022	STT TT 15/2020	Nhóm TCKT theo TT 15/2019	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế, đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Giá dự kiến (VNĐ)	Thành tiền dự kiến (VNĐ)
1	23PS0201	15	738	1	Midazolam	5mg/1ml	Thuốc tiêm/truyền	Ống	280	18900	5.292.000
2	23PS0202	7	460	1	Fentanyl	0,1mg; 2ml	Thuốc tiêm/truyền	Lọ/Ống	21.800	13.500	294.300.000
3	23PS0203	463	36	1	Albumin	20%; 100ml	Thuốc tiêm/truyền	Chai/Lọ/Túi	50	1.197.000	59.850.000
4	23PS0204	463	36	1	Albumin	25g/100ml	Thuốc tiêm/truyền	Chai/Lọ/Túi	15	1.695.000	25.425.000
5	23PS0205	774	917	1	Progesteron	100mg	Viên nang, uống, đặt âm đạo	Viên	58.500	6.500	380.250.000
6	23PS0206	900	350	1	Diazepam	10mg	Thuốc tiêm/truyền	Lọ/Ống	850	13.300	11.305.000
7	23PS0207	886	366	1	Dinoproston	10mg	Đặt âm đạo	Túi	200	934.500	186.900.000
8	23PS0208	774	917	1	Progesteron	25mg/ml	Thuốc tiêm/truyền	Lọ/Ống	3.200	18.900	60.480.000
9	23PS0210	692	534	1	Granisetron hydroclorid	1mg/1ml	Thuốc tiêm/truyền	Lọ/Ống	1.000	30.400	30.400.000
10	23PS0209	992	524	4	Glucose	10%; 500ml	Thuốc tiêm/truyền	Chai/Lọ/Túi	8.900	10.000	89.000.000
11	23PS0211	891	743	4	Misoprostol	200mcg	Viên, uống	Viên	29.400	3.800	111.720.000

12	23PS0212	980	171	4	Cafein citrat	60mg/3ml	Thuốc tiêm/truyền	Ống	800	42.000	33.600.000
13	23PS0213	693	718	4	Metoclopramid	10mg/2ml	Thuốc tiêm/truyền	Ống	1.700	1.050	1.785.000
14	23PS0214	536	729	4	Methyldopa	250mg	Viên, Uống	Viên	6.200	588	3.645.600
Tổng khoản: 14 phần (14 mặt hàng)											1.293.952.600